TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2025
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Việt Hồng Phượng;

2. Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Thuận An - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 306/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 2000 (có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: Tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm Phương N, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 24, B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T trình bày*:

Sau thời gian tìm hiểu, chị và anh Phạm Phương N quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, C, An Giang ngày 19/5/2020. Sau khi cưới thì vợ chồng chung

sống bên gia đình anh N. Sau 01 năm, anh chị lên Bình Dương làm công nhân được khoảng 01 năm thì về lại địa phương của chị sinh sống. Đến năm 2023 anh N trở lại Bình Dương làm công nhân tiếp tục, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Bản thân anh N không lo làm ăn, ham chơi bời cờ bạc, gây nợ nần, không quan tâm chăm sóc vợ con, anh N còn có người phụ nữ khác bên ngoài. Chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 05/2024, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh N có không năn nỉ để hàn gắn vợ chồng. Phía gia đình cha mẹ hai bên tuy có gặp nhau để hàn gắn cho vợ chồng, nhưng vẫn không thành.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Phương N.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 15/4/2021. Hiệu cháu H đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Tự vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Phạm Phương N:* Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh N đều vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị T: Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa;

- Bị đơn anh N: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Phạm Phương N; về con chung: giao cháu Phạm Gia H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Cẩm T và anh Phạm Phương N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị T

yêu cầu ly hôn với anh N. Anh N đăng ký thường trú tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Phương N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Cẩm T xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 03 năm, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án đã tống đạt nhiều lần các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa hai người, nhưng bị đơn anh N đều không đến. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh N theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh N vắng mặt tại nhà. Quá trình giải quyết vụ án, anh N đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía nguyên đơn chị T đã trình bày, cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Cẩm T là được ly hôn với anh Phạm Phương N.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Chị T thừa nhận giữa chị và anh N có 01 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 15/4/2021. Mặt khác, giấy khai sinh của cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận cháu Gia H là con chung của chị T và anh N. Hiện cháu H đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ly thân, cháu H đã sống với mẹ. Do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống của cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Cẩm T là giao cháu H cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Anh Phạm Phương N có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chị Trần Thị Cẩm T có yêu cầu ly hôn với anh Phạm Phương N nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Cẩm T. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm T đối với anh Phạm Phương N.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận cháu Phạm Gia H, sinh ngày 15/4/2021 là con chung của chị Trần Thị Cẩm T và anh Phạm Phương N;

+ Tiếp tục giao cháu Phạm Gia H cho chị Trần Thị Cẩm T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (hiện cháu H đang sống chung với chị T); anh Phạm Phương N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu;

+ Chị Trần Thị Cẩm T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004912 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang, được khấu trừ nên chị T đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Phạm Phương N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng TT, KT và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh